TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÓC MÔN** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 373/2022/DS-ST
Ngày: 14/6/2022
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trịnh Hồng Hải**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Tịnh Tâm**.

2. Bà **Nguyễn Thị Kim Liên**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Bá Hùng Tâm** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa*: Ông **Nguyễn Quang Tuấn** - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 667/2020/TLST-DS ngày 15 tháng 12 năm 2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 101/2022/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 87/2022/QĐST-DS ngày 24 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **N.H.T.M.C.P.N.A.**

Địa chỉ: 201 - 203 C.M.T8, P.4, Q.3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **N.Q.T** - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền:

1.1. Ông **P.N.T**, sinh năm 1995. (có mặt)

1.2. Ông **V.T.H**. (vắng mặt)

Địa chỉ: 97Bis H.N, P.N.T.B, Q.1, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo Văn bản ủy quyền số: 302/2020/UQ-AMC ngày 07/10/2020)

2. Bị đơn: Ông **T.Đ.T.N**, sinh năm 1986. (vắng mặt)

Địa chỉ: 3/70A ấp Đ, xã T.X, huyện H.M, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản không hòa giải được và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông P.N.T trình bày:

Ngày 28/12/2017, ông T.Đ.T.N đã ký kết Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số 0644/2017/914-CV ngày 28/12/2017 để vay tiền của N.H.T.M.C.P.N.A – Chi nhánh Ngã Bảy – PGD T.P (nay là N.H.T.M.C.P.N.A – Chi nhánh T.C – PGD T.P) cụ thể như sau: Số tiền vay: 300.000.000 đồng; Thời hạn vay: 60 tháng; Lãi suất: 13,65%/năm; Lãi suất thay đổi định kỳ 03 tháng/lần; Mục đích vay: Vay tiêu dùng - mua sắm vật dụng gia đình; Tài sản bảo đảm cho khoản vay nêu trên là: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 309, tờ bản đồ số 23, diện tích thế chấp: 162 m^2, tại địa chỉ: ấp T.Q.H, xã T.P, huyện Đ.H, tỉnh Long An. Thuộc quyền sử dụng của ông T.Đ.T.N theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BA705215, vào số cấp GCN số 00001 do UBND huyện Đ.H cấp ngày 07/01/2010, cập nhật thay đổi chủ sở hữu ngày 15/11/2017.

Tổng dư nợ của khoản vay nêu trên tạm tính đến ngày 14/6/20212 là: 466.834.728 đồng gồm: Nợ gốc: 269.999.992 đồng; Nợ lãi: 196.834.736 đồng;

Trong thời gian thực hiện nghĩa vụ trả nợ, ông T.Đ.T.N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh. Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, tạo điều kiện để ông N trả nợ, nhưng ông N vẫn không thực hiện. Gần đây, ông N có biểu hiện bất hợp tác, tìm cách lẩn tránh và không thiện chí giải quyết nợ vay với Ngân hàng.

Do đó Ngân hàng yêu cầu Tòa án nhân dân huyện H.M giải quyết buộc: Ông T.Đ.T.N có nghĩa vụ thanh toán cho N.H.T.M.C.P.N.A toàn bộ số nợ gốc và lãi vay theo các Hợp đồng tín dụng đã ký, tổng số tiền tạm tính đến ngày 14/6/2022 là: 466.834.728 đồng, trong đó: Nợ gốc: 269.999.992 đồng; Nợ lãi: 196.834.736 đồng.

Trong thời gian chưa thanh toán nợ, ông T.Đ.T.N vẫn phải chịu lãi suất quá hạn, lãi phạt theo quy định tại hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán hết nợ.

Khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, ông T.Đ.T.N vẫn không trả nợ theo hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản đã ký, thì Ngân hàng TMCP Nam Á được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm là: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 309, tờ bản đồ số 23, diện tích thế chấp: 162 m^2, tại địa chỉ: ấp T.Q.H, xã T.P, huyện Đ.H, tỉnh Long An. Thuộc quyền sử dụng của ông T.Đ.T.N theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BA705215, vào số cấp GCN số 00001 do UBND huyện Đ.H cấp ngày 07/01/2010, cập nhật thay đổi chủ sở hữu ngày 15/11/2017 để thu hồi nợ theo đúng quy định trong hợp đồng thế chấp tài sản cũng như quy định của pháp luật. Nếu sau khi xử lý tài sản thế chấp mà vẫn không đủ trả nợ, Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án tiếp tục kê biên phát mãi các tài sản khác của ông T.Đ.T.N đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản nợ

Bị đơn ông T.Đ.T.N vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án, không cung cấp lời khai, không đưa ra ý kiến hay yêu cầu gì đối với vụ án nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã xác định đúng tư cách của người tham gia tố tụng, thu thập đầy đủ chứng cứ đúng quy định. Tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử áp dụng, tuân thủ đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định hợp đồng vay tài sản các bên giao kết là đúng quy định của pháp luật. Việc bị đơn không trả tiền nợ gốc và tiền lãi cho nguyên đơn đúng kỳ hạn là đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo thỏa thuận trong hợp đồng đã ký. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn trong vụ án là ông T.Đ.T.N có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ 3/70A ấp Đ, xã T.X, huyện H.M, Thành phố Hồ Chí Minh và có nơi cư trú cuối cùng tại địa chỉ trên. Căn cứ theo khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông T.Đ.T.N đã được Tòa án đã tống đạt hợp lệ Giấy triệu tập, Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Nghĩa vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn N.H.T.M.C.P.N.A. Nhận thấy ông T.Đ.T.N có ký hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần 0644/2017/914-CV ngày 28/12/2017, Giấy nhận nợ số 01/GNN-0644/2017/914-CV ngày 29/12/2017 với N.H.T.M.C.P.N.A và đã nhận đủ tiền để sử dụng. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Nghĩa có trả nợ gốc và tiền lãi cho N.H.T.M.C.P.N.A. Lần cuối thực hiện việc trả tiền lãi và gốc là cuối tháng 07/2018. Điều này cho thấy thực sự có việc ký kết hợp đồng, việc giao nhận tiền, thực hiện các giao kết trong hợp đồng cũng như việc trả khoản nợ vay giữa ông N với N.H.T.M.C.P.N.A.

Theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự: *"Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc"*. Quá trình giải quyết vụ án, ông N đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn không đến Tòa để giải quyết vụ án, điều này chứng tỏ ông Nghĩa không có thiện chí, không tích cực khắc phục hậu quả gây thiệt hại đến quyền lợi chính đáng của nguyên đơn, đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay tiền.

Ông N đã tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ lời khai của Ngân hàng để làm cơ sở cho việc giải quyết vụ án. Vì vậy, theo

quy định tại Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Đối với yêu cầu về tính tiền lãi của nguyên đơn do các bên tự thỏa thuận lãi suất nên căn cứ khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng, yêu cầu tính lãi này của nguyên đơn được chấp nhận.

Ông N còn phải tiếp tục chịu còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi, phí khác phát sinh (nếu có) của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho vay và khế ước nhận nợ đã ký cho đến khi trả xong toàn bộ khoản nợ gốc.

Trường hợp trong hợp đồng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của N.H.T.M.C.P.N.A cho vay thì lãi suất mà ông T.Đ.T.N phải tiếp tục trả cho Ngân hàng theo bản án của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của N.H.T.M.C.P.N.A.

Do yêu cầu khởi kiện của N.H.T.M.C.P.N.A được chấp nhận nên ông T.Đ.T.N phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 10.000.000 đồng.

Tài sản thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của ông T.Đ.T.N đã được thế chấp và đăng ký giao dịch bảo đảm để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Nam Á: Toàn bộ quyền sử dụng đất có diện tích 162m^2, thuộc thửa đất số 309, tờ bản đồ số 23, tọa lạc tại ấp T.Q.H, xã T.P, huyện Đ.H, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BA 705215, số vào sổ cấp GCN: 00001 do Ủy ban nhân dân huyện Đ.H, tỉnh Long An cấp ngày 07/01/2010, ông T.Đ.T.N được nhận chuyển nhượng ngày 15/11/2017.

Việc thế chấp và đăng ký giao dịch bảo đảm đã được thực hiện đúng theo quy định pháp luật nên các tài sản thế chấp nêu trên được dùng đảm bảo để thi hành án cho nghĩa vụ trả nợ của ông T.Đ.T.N.

[4] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H.M là phù hợp.

[5] Về án phí: Nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 264, Điều 266 và Điều 267 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 299, Điều 317, Điều 323, Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 91 và Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn NN.H.T.M.C.P.N.A.

Buộc ông T.Đ.T.N phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho N.H.T.M.C.P.N.A khoản tiền nợ còn nợ theo hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số: 0644/2017/914-CV ngày 28/12/2017 và Giấy nhận nợ số: 01/GNN-0644/2017 ngày 28/12/2017 giữa N.H.T.M.C.P.N.A với ông T.Đ.T.N.

Số tiền tạm tính đến ngày 14/6/2022 là 466.834.728 đồng, trong đó: Nợ gốc: 269.999.992 đồng; Nợ lãi: 196.834.736 đồng.

Kể từ ngày 15/6/2022, ông T.Đ.T.N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi, phí khác phát sinh (nếu có) của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho vay và khế ước nhận nợ đã ký cho đến khi trả xong toàn bộ khoản nợ gốc.

Trường hợp trong hợp đồng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của N.H.T.M.C.P.N.A cho vay thì lãi suất mà ông T.Đ.T.N phải tiếp tục trả cho Ngân hàng theo bản án của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của NN.H.T.M.C.P.N.A.

Sau khi ông T.Đ.T.N trả hết khoản nợ, N.H.T.M.C.P.N.A có nghĩa vụ hoàn trả cho ông T.Đ.T.N tất cả bản chính giấy tờ liên quan đến tài sản thế chấp, tiến hành thủ tục xóa thế chấp và xóa đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật

Trong trường hợp ông T.Đ.T.N không thực hiện nghĩa vụ thanh toán các khoản tiền nêu trên thì N.H.T.M.C.P.N.A có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành các biện pháp cưỡng chế, kê biên, phát mãi tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật là Toàn bộ quyền sử dụng đất có diện tích 162m^2, thuộc thửa đất số 309, tờ bản đồ số 23, tọa lạc tại ấp T.Q.H, xã T.P, huyện Đ.H, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BA 705215, số vào sổ cấp GCN: 00001 do Ủy ban nhân dân huyện Đ.H, tỉnh Long An cấp ngày 07/01/2010, ông T.Đ.T.N được nhận chuyển nhượng ngày 15/11/2017 để thu hồi nợ.

[3] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm ông T.Đ.T.N phải chịu là 22.673.389 đồng. Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Hoàn trả lại cho N.H.T.M.C.P.N.A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.205.532 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2019/0077170 ngày 15 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.M.

[4] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014), thì những người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[5] Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND H. Hóc Môn;
- TAND TP HCM;
- CCTHADS H. Hóc Môn;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Hồng Hải